

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/DS-ST
Ngày: 14-7-2017
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hành**.

2. Bà **Bùi Thị Hồng Thu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Sa The**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Lý Út Hoài**-Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 27/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2017, về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 tháng 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số ngày 07 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Y**; Sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Huỳnh O**; Sinh năm: 1983; Địa chỉ cư trú: Khu đô thị X, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy ủy quyền của bà Phạm Y lập ngày 14/4/2017). (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc A**; Sinh năm: 1959; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Phạm Y lập ngày 21/3/2017, biên bản lấy lời khai đương sự ngày 09/5/2017, biên bản hòa giải ngày 19/5/2017 và ý kiến của bà Huỳnh O (người đại diện theo ủy quyền của bà Y) tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày như sau:

Bà Phạm Y, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1959 là hàng xóm, quen biết nhiều năm. Bà A là chủ hụi theo hình thức có lập sổ hụi, nhưng không cấp sổ cho hụi viên mà bà A tự quản lý sổ hụi để theo dõi. Trong năm 2015, bà Y có tham gia góp 03 dây hụi do bà A làm chủ hụi, cụ thể:

- Ngày 18/5/2015, bà Y tham gia dây hụi 10 ngày mở hụi một lần, mỗi phần hụi là 1.000.000 đồng, bà Y tham gia 02 phần. Từ ngày 18/5/2015 đến

ngày 17/02/2016, đối với dây hui này bà Y đã đóng tiền hui cho bà A số tiền là 48.200.000 đồng.

- Ngày 19/7/2015, bà Y tham gia dây hui 01 tuần mở hui một lần, mỗi phần hui là 1.000.000 đồng, bà Y tham gia 02 phần. Từ ngày 19/7/2015 đến ngày 21/02/2016, đối với dây hui này bà Y đã đóng tiền hui cho bà A số tiền là 54.700.000 đồng.

- Ngày 17/10/2015, bà Y tham gia dây hui 05 ngày mở hui một lần, mỗi phần hui là 100.000 đồng, bà Y tham gia 10 phần. Từ ngày 17/10/2015 đến ngày 22/02/2016, đối với dây hui này bà Y đã đóng tiền hui cho bà A số tiền là 24.000.000 đồng.

Bà Y đã đóng tiền hui cho bà A tổng số tiền là 126.900.000 đồng. Ngày 26/02/2016, bà A bỏ đi khỏi địa phương nên vỡ hui và bà A chưa thực hiện việc hoàn trả tiền hui cho bà Y. Nay bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A hoàn trả cho bà Y khoản nợ hui gốc là 126.900.000 đồng.

* Theo biên bản lấy lời khai đương sự ngày 09/5/2017, biên bản hòa giải ngày 19/5/2017 và ý kiến của bà A tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn trình bày như sau: Bà A thống nhất xác định có việc tổ chức góp hui và hiện nay bà A có nợ bà Y khoản nợ hui gốc với số tiền là 126.900.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày. Nay bà A thống nhất hoàn trả cho bà Y khoản nợ gốc là 126.900.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên bà A xin trả nợ dần cho bà Y.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Xử buộc bà Nguyễn Ngọc A hoàn trả cho bà Phạm Y khoản nợ gốc với số tiền là 126.900.000 đồng và chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 31/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được đơn khởi kiện của bà Phạm Y lập ngày 21/3/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo do bà Y nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của bà Y và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/3/2017, bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hui với bị đơn Nguyễn Ngọc A có nơi cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[4] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Y vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[5] Xét yêu cầu của phía nguyên đơn Phạm Y (do bà Huỳnh O đại diện) yêu cầu bà Nguyễn Ngọc A hoàn trả khoản nợ hui gốc với số tiền là 126.900.000 đồng:

[6] Bà Y, bà O và bà A đều xác định: Bà Y có tham gia ba dây hui do bà A làm chủ mở vào các ngày 18/5/2015, 19/7/2015 và 17/10/2015. Dây hui mở ngày 18/5/2015 là hui 10 ngày/kỳ, mỗi phần hui là 1.000.000 đồng, bà Y tham gia 02 phần và đã đóng tiền hui cho bà A số tiền là 48.200.000 đồng. Dây hui ngày 19/7/2015 là hui 01 tuần/kỳ, mỗi phần hui là 1.000.000 đồng, bà Y tham gia 02 phần và đã đóng tiền hui cho bà A số tiền là 54.700.000 đồng. Dây hui ngày 17/10/2015 là hui 05 ngày/kỳ, mỗi phần hui là 100.000 đồng, bà Y tham gia 10 phần và đã đóng tiền hui cho bà A số tiền là 24.000.000 đồng. Tổng số tiền hui bà Y đã đóng cho bà A là 126.900.000 đồng và khi vỡ hui đến nay bà A chưa hoàn trả tiền hui cho bà Y. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc bà Y và bà A có hợp đồng góp hui và hiện nay bà A còn nợ tiền hui gốc của bà Y với số tiền là 126.900.000 đồng là có thật. Xét khi giao kết hợp đồng góp hui, bà Y và bà A là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của hai bên, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên công nhận đây là hợp đồng góp hui hợp pháp theo quy định tại các điều 122, 389, 401 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bà A đã có lỗi khi đơn phương chấm dứt hợp đồng (bà A bỏ đi khỏi địa phương nên vỡ hui). Sau khi vỡ hui, bà Y đã yêu cầu bà A thực hiện nghĩa vụ thanh toán lại khoản tiền hui gốc mà bà Y đã đóng nhưng phía bà A không thực hiện, điều này đã gây thiệt thòi quyền lợi cho bà Y. Do đó, căn cứ vào Điều 426 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các điều 26 và 14 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường, yêu cầu của bà Y (do bà O đại diện) đòi bà A hoàn trả khoản nợ hui gốc với số tiền là 126.900.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về đề nghị của bà A xin trả dần khoản nợ hui cho bà Y, nhưng bà O không đồng ý. Xét đề nghị này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Phạm Y được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Ngọc A chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 6.345.000 đồng ($126.900.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.345.000 \text{ đồng}$).

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 122, 389, 401, 479 và 426 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 26 và 14 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Y. Xử buộc bà Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Y khoản nợ hội gốc với số tiền là 126.900.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc A chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.345.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Bà Phạm Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phạm Y số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.172.500 đồng (Ba triệu, một trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003673 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ